

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày: 27/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Đào** và bà **Nông Thị Huyền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Sinh Hà** – Thám tra viên Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Dư** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đức N (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 25/6/1987 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Vi Thị L; vợ là Lương Thị T1, con: 01 con (sinh năm 2012); tiền sự: Không. tiền án: 01, ngày 18/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 (M) tháng tù về tội “Đánh bạc” – Bản án số 38/2019/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Nhân thân: Tại Bản án số 39/2009/HS-ST, ngày 21/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cưỡng giết tài sản” – Đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí ngày 29/8/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T2 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 06/4/1993 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà

Trần Thị S; vợ là Trần Thị Thanh N1, con: 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang được gia đình nuôi ăn học đến lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do, trưởng thành xây dựng gia đình và sinh sống tại địa phương đến nay. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đình T3 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 04/8/1993 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị M1; vợ là Lương Thị L1, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang được gia đình nuôi ăn học đến lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà lao động tự do, trưởng thành xây dựng gia đình và sinh sống tại địa phương đến nay. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Dương Văn M3 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 05/01/1991 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H1 và bà Lâm Thị T4; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/6/2016 bị Công an khu Công nghiệp Q, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, phạt tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh Phạm Công C, sinh năm 2000. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1966. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Chị Lương Thị T1, sinh năm 1991. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/6/2024, Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Công an tỉnh B tiếp nhận đơn tố giác của Phạm Công C, sinh năm 2000 trú tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn trình báo về việc: Ngày 29/5/2024, C lên mạng xã hội Facebook thấy tài khoản “Phát điện” (ID 100094181472686), đăng bài bán máy làm lốp xe máy với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), Facebook này đăng bài kèm số điện thoại 0824.635.505. Do đang có nhu cầu mua máy nên C sử dụng số điện thoại 0849.480.708 gọi cho số 0824.635.505. Qua nói chuyện người sử dụng số điện thoại 0824.635.505 bảo C kết bạn Zalo có tên “Chuyên Máy Nhật B”. Sau đó C nhắn tin với Z “Chuyên Máy Nhật Bãi” hỏi thông tin về máy làm lốp và thỏa thuận giá mua máy là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) với phương thức thanh toán chuyển tiền trước và gửi, nhận hàng qua xe khách, C chuyển khoản số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) vào tài khoản 0731000647138 Ngân hàng V mang tên TRAN VAN THONG. Sau đó Z tên “Chuyên Máy Nhật B” và số điện thoại 0948.960.904 là xe khách đã chặn liên lạc với C.

Sau khi tiếp nhận đơn tố giác, Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Công an tỉnh B đã chuyển nguồn tin về tội phạm trên và tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 08 giờ, ngày 29/5/2024, Trần Văn T2, sinh năm 1993 trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến quán I thuộc tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang chơi game thì gặp Hoàng Đức N; Dương Văn M3 và Nguyễn Đình T3 cũng đang chơi game trong quán. Sau đó T2 đăng nhập tài khoản Facebook “Phát Điện” mà T2 lập để đăng bán các loại máy móc cơ khí, máy hàn...trên các hội nhóm mạng xã hội Facebook để lừa lấy tiền đặt cọc của khách hàng (thực tế không có máy móc để bán như đã quảng cáo), thì có một tài khoản Facebook “Phạm Công C” nhắn tin hỏi mua máy làm lốp xe và hỏi số điện thoại của T2. Thống mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel của Dương Văn M3 để lắp sim thuê bao số 0824.635.505 với mục đích sử dụng phục vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau đó Phạm Công C gọi điện thoại vào số 0824.635.505 của T2 để hỏi mua máy làm lốp xe. Thống yêu cầu C kết bạn Z với Z “Chuyên Máy Nhật Bãi” của Hoàng Đức N để N nhắn tin tư vấn, trao đổi về giá cả chiếc máy làm lốp xe. Ngôn sử dụng máy tính tại quán I để nhắn tin, trao đổi với C thì C đồng ý mua chiếc máy làm lốp xe mô tô với giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng), N nhắn số tài khoản của Trần Văn T2 cho C để yêu cầu chuyển tiền đặt cọc mua máy, còn máy làm lốp thì thống nhất vận chuyển qua xe khách về Bắc Kạn nên T2 bảo N nhắn số điện thoại giả làm nhà xe khách cho C là 0948.960.904. Sau đó C chuyển số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) vào số tài khoản Ngân hàng V số 0731000647138 đứng tên Trần Văn T2 để chuyển tiền đặt cọc mua máy làm lốp xe, tiếp đó T2 bảo Nguyễn Đình T3 sử dụng số điện thoại 0948.960.904, nói khi nào có người gọi đến thì giả làm nhà xe khách

đang vận chuyển chiếc máy làm lớp về Bắc Kạn nhằm tạo lòng tin đối với C. Lúc đó chiếc sim thuê bao 0948.960.904 đang được Tuấn lắp trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, khi C gọi vào sim thuê bao 0948.960.904 hỏi chiếc máy làm lớp thì T3 trả lời máy đã được đưa lên xe, đang vận chuyển lên Bắc Kạn. Khi T2 nhận được số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) do C chuyển vào tài khoản đặt cọc mua máy làm lớp thì Thống, N, T3 chặn liên lạc với C. Thống chia cho Hoàng Đức N số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bằng hình thức chuyển vào số tài khoản 214321005 của N mở tại ngân hàng B2, chia cho Nguyễn Đình T3 số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bằng hình thức chuyển vào số tài khoản 101877289759 của T3 mở tại ngân hàng V1, chia cho Dương Văn M3 số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) bằng hình thức đưa tiền mặt do M3 không có số tài khoản ngân hàng. Đến buổi trưa cùng ngày thì T2 đưa số tiền 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng) để M3 đi mua cơm cho bốn người cùng ăn, số tiền còn lại 3.380.000đ T2 là người được hưởng. Số tiền mà T2, N, T3, M3 chiếm đoạt được của Phạm Công C các bị cáo tiêu dùng cá nhân hết.

Trước đó, Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với phương thức, thủ đoạn tương tự như trên, cụ thể: Năm 2023, Trần Văn T2; Hoàng Đức N; Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 quen biết nhau khi cùng chơi game tại quán Internet Đình T5 tại tổ M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Đến khoảng tháng 5/2023 Trần Văn T2 và Hoàng Đức N thấy một người tên Triệu Thành Đ1 trú tại tỉnh Lạng Sơn (không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu), lập tài khoản Facebook rồi đăng bài bán các mặt hàng cơ khí... trên hội nhóm mạng xã hội Facebook để lừa đảo chiếm đoạt số tiền đặt cọc của khách hàng. Thấy vậy T2, N cũng học cách làm theo, trong đó:

Trần Văn T2 lập tài khoản Facebook tên “Phát Điện” đăng bán một số máy móc như củ phát, máy hàn, máy phát điện (kèm theo hình ảnh)...trên các trang hội nhóm mạng xã hội Facebook, kèm số điện thoại 0824.635.505 để khách liên hệ. Khi có khách hàng hỏi mua thì trao đổi giá, hình thức thanh toán, trả tiền thông qua tin nhắn Messenger hoặc nhờ N kết bạn Zalo với khách để nói chuyện, có lúc thì nhờ T3 hoặc Ngôn để giả làm nhà xe chuyển hàng cho khách hàng...Nếu khách hàng đồng ý mua hàng thì T2 yêu cầu chuyển tiền đặt cọc hoặc toàn bộ giá trị hàng hóa đó vào số tài khoản 0731000647138 Ngân hàng V mang tên TRAN VAN TH, rồi T2 chặn liên lạc với khách hàng để chiếm đoạt số tiền đó. Khi lắp sim thuê bao số 0824.635.505 thì T2 thường xuyên mượn điện thoại của Dương Văn M3 để sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trước khi mượn và trong quá trình mượn M3 đều biết việc T2 mượn điện thoại để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng M3 vẫn đồng ý. Vì khi thực hiện hành vi lừa đảo xong thì T2 có lúc đưa tiền mặt cho M3, có lúc mua cơm, nước hoặc trả tiền chơi game cho M3. Còn Hoàng Đức N sử dụng tài khoản Facebook tên “Ken Hills” đăng bán một số máy móc như củ phát, máy hàn, máy phát điện (kèm theo hình ảnh)... trên các trang hội nhóm mạng xã hội Facebook. Khi có khách hỏi mua thì trao đổi giá, hình thức thanh toán, trả tiền qua tin nhắn Messenger hoặc zalo. Nếu khách hàng đồng ý mua thì N yêu cầu chuyển tiền đặt

cọc hoặc toàn bộ giá trị hàng hóa vào số tài khoản 214321005 ngân hàng BIDV của N, sau đó N chặn liên lạc với khách hàng để chiếm đoạt số tiền đó. Quá trình thực hiện hành vi lừa đảo, có lúc N cũng mượn điện thoại của Dương Văn M3 phục vụ việc thực hiện lừa đảo, lúc đó M3 cũng biết và đồng ý cho mượn. Đến cuối năm 2023, Nguyễn Đình T3 cũng học theo Trần Văn T2 và Hoàng Đức N để lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc của khách hàng, T3 sử dụng tài khoản Facebook tên “Nông Cơ Anh T6” để đăng bán các loại máy cơ khí, máy hàn (kèm theo hình ảnh)...trên các trang hội nhóm mạng xã hội Facebook. Khi có khách hàng hỏi mua thì trao đổi giá, hình thức thanh toán, trả tiền qua tin nhắn Messenger hoặc zalo. Nếu khách hàng đồng ý mua hàng thì T3 yêu cầu chuyển tiền đặt cọc hoặc toàn bộ giá trị hàng vào số tài khoản 101877289759 của T3 mở tại ngân hàng V1, sau đó T3 chặn liên lạc với khách hàng để chiếm đoạt số tiền đó.

Quá trình điều tra xác định Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 chủ yếu thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng, tuy nhiên có vụ thì các bị cáo giúp sức, hỗ trợ nhau để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc mua hàng của khách hàng, thực tế các bị cáo không có hàng hóa gì để bán như đã quảng cáo. Còn Dương Văn M3 cho Trần Văn T2, Hoàng Đức N mượn điện thoại để lắp sim điện thoại, vào mạng xã hội phục vụ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bản thân M3 biết T2, N sử dụng điện thoại của M3 để thực hiện hành vi lừa đảo nhưng vẫn đồng ý cho mượn do được hưởng lợi.

Đối với các bị hại mà Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến khoảng tháng 6/2024: Ngày 03/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra thông báo tìm bị hại gửi đến Công an các đơn vị địa phương và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên đến nay, không nhận được phản hồi và không có công dân nào trình báo liên quan đến hành vi lừa đảo của Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đề nghị tách xử lý sau nếu có bị hại liên quan trình báo.

Quá trình điều tra, Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSBT ngày 30/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Hoàng Đức N, Trần Văn T2, Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng ... hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo Hoàng Đức N, Trần Văn T2, Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Về Hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức N T7 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, **khoản 2, Điều 51** của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T3 từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn M3 từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng

* Về xử lý vật chứng và các tài sản thu giữ trong vụ án: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh da trời, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng, có số seri: RF8T50FYNWZ; IMEI: 358581284365936; IMEI:

359402874365930 của Nguyễn Đình T3 – được niêm phong trong phong bì và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 5602 màu trắng, loại bàn phím cứng, đã qua sử dụng có số IMEI: 354271081998063 và IMEI: 354271081998071 của Dương Văn M3 - được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M1”

- Trả lại cho Trần Văn T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 352839114975910; IMEI 2: 352839114889087; số seri: FK1D92XVN70C – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Trần Văn T2.

- Trả lại cho Hoàng Đức N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu đen, màn hình cảm ứng, thân thẳng, đã qua sử dụng, số máy MU773VN/A; số seri L722L47TLD; số IMEI 350492190590815, IMEI2 350492190807987 – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Hoàng Đức N.

- Trả lại cho Hoàng Đức N: 01 (một) Căn cước công dân số 020087006995 mang tên Hoàng Đức N; và 01 thẻ sim thuê bao số 0383.000.675 của nhà mạng Viettel được gắn trong điện thoại Iphone 15 Pro Max, màu đen;

- Tạm giữ số tiền 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Ng 2” để đảm bảo thi hành án cho Hoàng Đức N.

- Trả lại cho Dương Văn M3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE 9 màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng có số IMEI: 352141103253239 và IMEI: 352142103253237 – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo M3.

- Trả lại cho Nguyễn Đình T3: 01 (một) thẻ ngân hàng V2 (N) mang tên NGUYEN DINH T, số 9704150136196121 - được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”.

Các vật chứng là thẻ sim điện thoại, phong bì niêm phong kèm theo không còn giá trị sử dụng tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 (một) thẻ sim điện thoại gắn trên điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xám (mật khẩu mở khóa màn hình: 2801) số thuê bao: 0967448303 nhà mạng Viettel và 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “T”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Thống”; 02 sim điện thoại lắp trên 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE 9 màu đen, sim thuê bao số 0836.438.932 và thuê bao số 0833.159.712 đều của nhà mạng Vinaphone; 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “Đồ vật, tài liệu của Dương Văn M3”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M1”; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng Mobifone, một mặt ghi số 8401, 2302, 2410, 5749; 01 (một) thẻ sim không rõ nhà mạng, một mặt ghi số 8401, 2305, 2404, 6803; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng Vinaphone, một mặt ghi số 898402000, 11636608505; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng V3, một mặt ghi số 8984, 04800, 03890, 79700 và 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Ng” và 02 (hai) thẻ sim số thuê bao gồm: 0799.513.332 nhà mạng M2 và 0948.906.904 nhà mạng Vinaphone gắn trên điện

thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T1”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”.

- Tạm giữ số tiền 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) theo biên lai số 0001067, ngày 13/9/2024 và 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001073, ngày 27/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để đảm bảo thi hành án cho Trần Văn T2.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo án phải chịu phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N tranh luận: Bản thân không có tài sản gì nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và đề nghị được trả lại tài sản bị thu giữ là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu đen do điện thoại được mua bằng nguồn tiền chung của vợ chồng bị cáo.

Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận điện thoại là của bị cáo, bị cáo không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh điện thoại có công sức đóng góp của vợ, nên không chấp nhận yêu cầu của bị cáo, giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như Viện kiểm sát truy tố, không có tranh luận gì thêm và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Bản thân các bị cáo đều là những người lao động tự do, không có công việc làm ổn định, lười lao động nên có mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua mạng xã hội. Dù không có các loại máy móc cơ khí, máy hàn...để bán nhưng Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 vẫn đăng bài quảng cáo bán trên các trang mạng xã hội Facebook với mục đích nếu có người

nhận mua hàng sẽ yêu cầu khách hàng đặt cọc bằng tiền Việt Nam đồng để lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc của khách hàng. Khoảng 08 giờ ngày 29/5/2024, T2, N, T3 và M3 gặp nhau tại quán I thuộc tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Tại đây Thống đăng nhập tài khoản “Phát Điện” thì có tài khoản Facebook “Phạm Công C” nhắn tin hỏi mua máy làm lớp xe và xin số điện thoại, T2 mượn điện thoại di động của Dương Văn M3 để sử dụng vào việc lừa đảo và bảo C kết bạn Z với tài khoản “Chuyên Máy Nhật Bãi” của N để thỏa thuận giá cả rồi T2 nói với T3 sử dụng số điện thoại 0948.960.904 giả làm nhà xe đang vận chuyển máy lên tỉnh Bắc Kạn. Ngôn và C thỏa thuận mua bán máy làm lớp xe mô tô với giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và chuyển tiền trước, C đồng ý mua máy đồng thời chuyển tiền vào tài khoản đứng tên Trần Văn T2. Sau khi nhận được số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) do Chuyển chuyển khoản thì T2, N, T3 chặn liên lạc với C. Số tiền chiếm đoạt được của Phạm Công C các bị cáo đã chia nhau sử dụng cá nhân hết.

Lời khai của Hoàng Đức N thừa nhận: Sáng ngày 29/5/2024 tại quán I, sau khi được T2 đưa cho bị cáo số điện thoại của khách hàng hỏi mua máy làm lớp thì N đã đăng nhập tài khoản zalo có tên “Chuyên máy Nhật Bãi” trên máy tính để nhắn tin, tư vấn và chốt hàng với khách, khi khách hàng có tên zalo “Phạm Công C” đồng ý mua thì N nhắn số tài khoản ngân hàng của Trần Văn T2 để chuyển đặt cọc số tiền là 7.000.000 đồng. Sau đó anh C đã chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Văn T2 và chụp ảnh màn hình chuyển tiền gửi cho N. Sau đó, bị cáo được bị cáo T2 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng B2 số 2143121005 tên Hoàng Đức N hưởng lợi bất chính 3.000.000 đồng, N biết nguồn gốc số tiền T chuyển khoản là tiền vừa lừa đảo chiếm đoạt được của bị hại Phạm Công C.

Lời khai của Trần Văn T2 thừa nhận: Buổi sáng khoảng 8 giờ ngày 29/5/2024 tại quán I, T2 đăng nhập tài khoản “Phát Điện” trên máy tính của quán và đăng bán máy làm lớp xe thì có tài khoản Facebook “Phạm Công C” nhắn tin hỏi mua máy làm lớp xe và xin số điện thoại, T2 mượn điện thoại di động của Dương Văn M3 để lắp sim số thuê bao 0824.635.505 và nhận được cuộc gọi của anh C, sau khi trao đổi do T2 không nắm được thông tin máy móc đang bán nên bảo C kết bạn Z với tài khoản “Chuyên Máy Nhật Bãi” của N để được tư vấn và thỏa thuận giá cả, rồi T2 tiếp tục nói với T3 sử dụng số điện thoại 0948.960.904 giả làm nhà xe nếu có người gọi hỏi về máy móc thì nói đang vận chuyển máy lên tỉnh Bắc Kạn. Sau đó, T2 được N thông báo anh C đồng ý mua máy, T2 đã nhắn số tài khoản ngân hàng của T2 cho N để N chuyển cho anh C. Sau đó, T2 nhận được 7.000.000 đồng từ anh C chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V4 tên TRAN VAN THONG. T2 đã chuyển khoản cho Hoàng Đức N 3.000.000 đồng, chuyển khoản cho Nguyễn Đình T3 300.000 đồng, đưa tiền mặt cho Dương Văn M3 200.000 đồng, trưa cùng ngày T2 đưa cho M3 120.000 đồng để mua 04 xuất com (các bị cáo sử dụng chung), số tiền còn lại Th chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai của Nguyễn Đình T3 thừa nhận: Buổi sáng khoảng 8 giờ ngày 29/5/2024 tại quán Internet Đ2, khi đang chơi game thì T2 có nhờ T3 dùng số điện thoại 0948.960.904 đang lắp trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh da trời, màn hình cảm ứng của T3 đang sử dụng giả làm nhà xe khi có khách gọi hỏi về việc vận chuyển máy làm lớp. Sau đó có số điện thoại (0849480708) gọi đến, T3 nói máy làm lớp đã được vận chuyển lên xe khách và chở lên Bắc Kạn chiều tối thì xe lên đến nơi trả hàng. Đến trưa cùng ngày thì T3 được T2 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V4 đứng tên Nguyễn Đình T3 số tiền 300.000 đồng, T3 biết nguồn gốc số tiền T3 nhận được từ T2 là tiền lừa đảo được của khách hàng mà buổi sáng T2 nhờ T3 làm giả nhà xe. Đến chiều có số điện thoại của khách hàng (số đã gọi buổi sáng) gọi lại cho T3 thì T3 đã chặn liên hệ.

Lời khai của Dương Văn M3 thừa nhận: Khoảng 8 giờ sáng ngày 29/5/2024 tại quán I, M3 đã gặp T2, N, T3. Tại đây T2 có mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 5602 màu trắng, loại bàn phím cứng của M3 và lắp sim để gọi điện thoại cho khách hàng mà M3 biết là T2 đang lừa bán máy móc. Đến buổi trưa thì M3 có nghe T2 và T3 nói chuyện với nhau đã nhận được tiền đặt cọc của khách và M3 được T2 đưa cho 120.000 đồng để mua 04 xuất cơm ăn trưa. M3 được T8 đưa cho 200.000 đồng, M3 biết đó là khoản tiền mà T8 đã lừa đảo chiếm đoạt được của khách mua máy móc mà Thống đang bán.

Lời khai của bị hại Phạm Công C trình bày: Buổi sáng ngày 29/5/2024, lên mạng xã hội Facebook thấy tài khoản “Phát điện” đăng bán máy làm lớp xe máy với giá 7.000.000 đồng và đăng kèm số điện thoại 0824635505, do có nhu cầu mua máy nên đã dùng số điện thoại 0849480708 để gọi. Qua trao đổi thì người này bảo anh kết bạn với zalo có tên “Chuyên máy Nhật Bãi”, anh C tin tưởng nên đã nhắn tin và được tư vấn, sau khi đồng ý giá thỏa thuận, nhất trí mua thì người này yêu cầu đặt cọc trước và gửi nhận hàng qua xe khách. Bị hại đã chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản 0731000647138 Vietcombank tên TRAN VAN TH, sau đó zalo này cung cấp số điện thoại 0948960904 và nói đây là số nhà xe để anh C gọi nhận hàng, anh C gọi và được xác nhận hàng đã lên xe đang vận chuyển về Bắc Kạn, đến chiều theo giờ hẹn anh C gọi lại thì bị số điện thoại 0948960904 và zalo tên “Chuyên máy Nhật Bãi” chặn liên lạc.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định Cáo trạng số: 34/CT-VKSBT ngày 30/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông truy tố Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3, Dương Văn M3 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1, Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị

an tại địa phương. Cần được xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét vai trò của các bị cáo thấy: Đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T2 là người chủ mưu nảy sinh ý định lừa đảo trước, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, chuẩn bị công cụ, phương tiện, tổ chức từ trước. Khi có cơ hội bị cáo T2 là người khởi xướng, và tiếp thực hiện hành vi, đồng thời bị cáo N, T3, M3 tiếp nhận ý chí của T2 cùng thực hiện với vai trò là người giúp sức và được hưởng lợi bất chính. Vì vậy, khi xem xét trách nhiệm hình sự căn cứ vào nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ việc để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy:

Bị cáo Hoàng Đức N có nhân thân xấu, có 01 (một) tiền án: ngày 18/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 (M) tháng tù về tội “Đánh bạc” – Bản án số 38/2019/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động vợ là chị Lương Thị T1 bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn T2 có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được mẹ đẻ là bà Trần Thị S tự nguyện giúp bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình T3 có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Dương Văn M3 năm 2016 đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nên nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải

quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo T2, T3, M3 phạm tội lần đầu, nhưng xét tính chất, mức độ vi phạm, phương thức, thủ đoạn của các bị cáo, tình hình an ninh mạng ngày càng bị các đối tượng như các bị cáo sử dụng để lừa đảo gây khó khăn trong việc quản lý, sử dụng mạng xã hội, gây dư luận xấu trên không gian mạng. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ, tính chất hành vi phạm tội và các quy định của pháp luật, HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù giam, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian nhất định mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đạt mục đích giáo dục, răn đe các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Phạm Công C yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000^d (Bảy triệu đồng). Các bị cáo đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Trước khi mở phiên tòa, giữa anh C và các bị cáo T2, N, T3, M3 đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường dân sự với nhau xong và tại phiên tòa, các bên đều đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận để thực hiện, anh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Giữa các bị cáo T2, N, T3, M3 thỏa thuận T2 và N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Công C số tiền là 7.000.000 đồng, không yêu cầu HĐXX giải quyết về nghĩa vụ liên đới bồi thường giữa các bị cáo. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận giữa bị hại và các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Cụ thể: Hoàng Đức N và Trần Văn T2 tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Công C số tiền là 7.000.000^d (Bảy triệu đồng), trong đó N đã bồi thường xong (qua vợ là Lương Thị T1 chuyển khoản trực tiếp cho anh C 3.000.000 đồng), số tiền còn lại 4.000.000 đồng do Trần Văn T2 có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường - hiện đã nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Thị T1: Ngày 25/10/2024 sau khi được bị cáo Hoàng Đức N tác động, chị Lương Thị T1 (vợ bị cáo N) đã tự nguyện liên hệ và bồi thường thiệt hại cho anh C với số tiền là 3.000.000 đồng. Anh C xác nhận đã được nhận số tiền này do chị T1 chuyển khoản. Chị T1 không yêu cầu bị cáo N phải hoàn trả số tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Ngày 13/9/2024, anh Nguyễn Văn N2 đã thay mặt mẹ đẻ của Trần Văn T2 là bà Trần Thị S nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, mục đích là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của T2 gây ra cho bị hại. Bà S không yêu cầu bị cáo T2 phải hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Quá trình điều tra, giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B còn thu thập được các tài liệu thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến khoảng tháng 6/2024 các đối tượng Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại bằng phương thức, thủ đoạn như vụ án này (chiếm đoạt tiền đặt cọc), nhưng các bị cáo không biết thông tin (họ, tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) của những bị hại này. Ngày 03/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra thông báo tìm bị hại gửi đến Công an các đơn vị địa phương và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên đến nay, không nhận được phản hồi và không có công dân nào trình báo liên quan đến hành vi lừa đảo của Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tách xử lý sau nếu có bị hại liên quan trình báo là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với ông Lương Công Đ2, sinh năm 1980. Trú tại tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang là chủ quán Internet Định T5: Ông Đ2 mở quán I1 để cho người chơi thuê sử dụng chơi trò chơi điện tử hoặc sử dụng truy cập mạng, khi có khách đến chơi thì ông Đ2 chỉ theo dõi thời gian chơi và tính tiền thuê máy, không theo dõi nội dung người chơi sử dụng. Ngày 29/5/2024, khi các bị cáo Trần Văn T2, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 chơi game tại quán và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 7.000.000đ của anh Phạm Công C thì ông Đ2 không biết, không được bàn bạc gì với các bị cáo, không được hưởng lợi gì. Ngoài ra đối với các máy tính tại quán I các bị cáo sử dụng vào mạng xã hội để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xem xét xử lý đối với ông Lương Công Đ2 và không thu giữ các máy tính là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về vật chứng và các tài sản thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh da trời, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng, có số seri: RF8T50FYNWZ; IMEI: 358581284365936; IMEI: 359402874365930 của Nguyễn Đình T3 – được niêm phong trong phong bì và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 5602 màu trắng, loại bàn phím cứng, đã qua sử dụng có số IMEI: 354271081998063 và IMEI: 354271081998071 của Dương Văn M3 - được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M1”, xác định là phương tiện phạm tội cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước.

Qua xác minh làm rõ và tại phiên tòa xác định được các tài sản thu giữ trong vụ án là của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội ngày 29/5/2024, nên cần trả lại cho các bị cáo, gồm:

- Trả lại cho Trần Văn T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 352839114975910; IMEI 2: 352839114889087; số sêri: FK1D92XVN70C – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Trần Văn T2.

- Trả lại cho Hoàng Đức N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu đen, màn hình cảm ứng, thân thẳng, đã qua sử dụng, số máy MU773VN/A; số seri L722L47TLD; số IMEI 350492190590815, IMEI2 350492190807987 – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Hoàng Đức N.

- Trả lại cho Hoàng Đức N: 01 (một) Căn cước công dân số 020087006995 mang tên Hoàng Đức N; và 01 thẻ sim thuê bao số 0383.000.675 của nhà mạng Viettel được gắn trong điện thoại Iphone 15 Pro Max, màu đen;

- Trả lại cho Dương Văn M3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE 9 màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng có số IMEI: 352141103253239 và IMEI: 352142103253237 – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo M3.

- Trả lại cho Nguyễn Đình T3: 01 (một) thẻ ngân hàng V2 (N) mang tên NGUYEN DINH T, số 9704150136196121 - được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”.

Các vật chứng là thẻ sim điện thoại, phong bì niêm phong kèm theo không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy, gồm: 01 (một) thẻ sim điện thoại gắn trên điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xám (mật khẩu mở khóa màn hình: 2801) số thuê bao: 0967448303 nhà mạng Viettel và 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “T”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Thông”; 02 sim điện thoại lắp trên 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE 9 màu đen, sim thuê bao số 0836.438.932 và thuê bao số 0833.159.712 đều của nhà mạng Vinaphone; 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “Đồ vật, tài liệu của Dương Văn M3”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M1”; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng Mobifone, một mặt ghi số 8401, 2302, 2410, 5749; 01 (một) thẻ sim không rõ nhà mạng, một mặt ghi số 8401, 2305, 2404, 6803; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng Vinaphone, một mặt ghi số 898402000, 11636608505; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng V3, một mặt ghi số 8984, 04800, 03890, 79700 và 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Ngôn” và 02 (hai) thẻ sim số thuê bao gồm: 0799.513.332 nhà mạng M2 và 0948.906.904 nhà mạng Vinaphone gắn trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T1”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”.

- Đối với sim thuê bao số 0824.635.505: Trần Văn T2 trình bày đã bị rơi mất, không rõ ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ được.

- Tạm giữ số tiền 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Ngôn 2”, để đảm bảo thi hành án cho Hoàng Đức N.

- Tạm giữ số tiền 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) theo biên lai số 0001067, ngày 13/9/2024 và 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001073, ngày 27/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để đảm bảo thi hành án cho Trần Văn T2.

[8]. Hình phạt bổ sung:

- Đối với Hoàng Đức N và Trần Văn T2 xác minh tại địa phương Ngôn, T2 không có tài sản chung, riêng gì, không đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong vụ án này, N có tài sản thuộc sở hữu riêng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu đen, màn hình cảm ứng, thân thẳng, đã qua sử dụng và Trần Văn T2 có tài sản thuộc sở hữu riêng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng – đều còn giá trị sử dụng. Đồng thời, các bị cáo đang trong độ tuổi lao động, hành vi của các bị cáo thực hiện nhằm mục đích thu lợi bất chính gây bất bình dư luận, cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng một khoản tiền mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, có tính răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo N đề nghị miễn hình phạt bổ sung và trả lại tài sản là điện thoại **di động nhãn hiệu** Iphone 15 Pro Max là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T9 và bị cáo Dương Văn M xác M3 tại địa phương T9, M3 không có tài sản chung, riêng gì, không đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bị cáo đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên việc áp dụng hình phạt bổ sung không khả thi, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T9 và bị cáo M3.

[9]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đức N, Trần Văn T2, Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức N: 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5, Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo N: 10.000.000^d (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5, Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo T2: 10.000.000^d (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, **khoản 2, Điều 51**; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T3: 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Áp dụng khoản 1, Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn M3: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2024.

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS, Điều 584; 585; 586, 590/BLDS.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại, cụ thể như sau: Hoàng Đức N và Trần Văn T2 tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Công C số tiền là 7.000.000^d (Bảy triệu đồng), trong đó N đã bồi thường xong (qua vợ là Lương Thị T1 chuyển khoản trực tiếp cho anh C là 3.000.000 đồng), số tiền còn lại 4.000.000 đồng do Trần Văn T2 có nghĩa vụ bồi thường - hiện số tiền này đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông theo biên lai thu số 0001067, ngày 13/9/2024.

* Về xử lý vật chứng và các tài sản thu giữ trong vụ án:

Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh da trời, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng, có số seri: RF8T50FYNWZ; IMEI: 358581284365936; IMEI: 359402874365930 của Nguyễn Đình T3 – được niêm phong trong phong bì và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 5602 màu trắng, loại bàn phím cứng, đã qua sử dụng có số IMEI: 354271081998063 và IMEI: 354271081998071 của Dương Văn M3 - được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M1”

- Trả lại cho Trần Văn T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, màn hình cảm ứng, cũ đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 352839114975910; IMEI 2: 352839114889087; số sêri: FK1D92XVN70C – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Trần Văn T2.

- Trả lại cho Hoàng Đức N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu đen, màn hình cảm ứng, thân thẳng, đã qua sử dụng, số máy

MU773VN/A; số seri L722L47TLD; số IMEI 350492190590815, IMEI2 350492190807987 – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Hoàng Đức N.

- Trả lại cho Hoàng Đức N: 01 (một) Căn cước công dân số 020087006995 mang tên Hoàng Đức N; và 01 thẻ sim thuê bao số 0383.000.675 của nhà mạng Viettel được gắn trong điện thoại Iphone 15 Pro Max, màu đen;

- Tạm giữ số tiền 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Ng 2” để đảm bảo thi hành án cho Hoàng Đức N.

- Trả lại cho Dương Văn M3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE 9 màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng có số IMEI: 352141103253239 và IMEI: 352142103253237 – được niêm phong trong phong bì, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo M3.

- Trả lại cho Nguyễn Đình T3: 01 (một) thẻ ngân hàng V2 (N) mang tên NGUYEN DINH T, số 9704150136196121 - được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”.

Các vật chứng là thẻ sim điện thoại, phong bì niêm phong kèm theo không còn giá trị sử dụng tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 (một) thẻ sim điện thoại gắn trên điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xám (mật khẩu mở khóa màn hình: 2801) số thuê bao: 0967448303 nhà mạng Viettel và 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “T”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Thống”; 02 sim điện thoại lắp trên 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE 9 màu đen, sim thuê bao số 0836.438.932 và thuê bao số 0833.159.712 đều của nhà mạng Vinaphone; 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu “Đồ vật, tài liệu của Dương Văn M3”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M1”; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng Mobifone, một mặt ghi số 8401, 2302, 2410, 5749; 01 (một) thẻ sim không rõ nhà mạng, một mặt ghi số 8401, 2305, 2404, 6803; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng Vinaphone, một mặt ghi số 898402000, 11636608505; 01 (một) thẻ sim của nhà mạng V3, một mặt ghi số 8984, 04800, 03890, 79700 và 01 (một) phong bì niêm phong ban đầu, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Ngôn” và 02 (hai) thẻ sim số thuê bao gồm: 0799.513.332 nhà mạng M2 và 0948.906.904 nhà mạng Vinaphone gắn trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “T1”, đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 01/10/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông)

- Tạm giữ số tiền 4.000.000^đ (Bốn triệu đồng) theo biên lai số 0001067, ngày 13/9/2024 và 200.000^đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001073, ngày 27/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để đảm bảo thi hành án cho Trần Văn T2.

* Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Đức N, Trần Văn T2, Nguyễn Đình T3 và Dương Văn M3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND H.Bạch Thông 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện Bạch Thông 2;
- Bị cáo 4;
- Bị hại
- Người CQLNVL 3;
- TA tỉnh Bắc Kạn 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu HSVA, lưu trữ ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

